

Bản án số: **16/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 10/3/2023

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị H.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy T.**

Bà **Nguyễn Thị H.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải H** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Ken L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 1202 Đại lộ HV, phường TC, thành phố VT, tỉnh PT.

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn BA, xã TG, huyện S, TP. H.

(Anh L có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2023 và trong quá trình xét xử, anh Lê Ken L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Cẩm H kết hôn năm 2017. Vợ chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện S, TP H ngày 23/02/2018. Sau khi kết hôn xong vợ chồng anh chung sống cùng với nhau và đi lại giữa hai nơi là Hòa Bình và PT do bố mẹ anh

L hôn nhưng chủ yếu vẫn sống tại PT cùng với bố anh.

Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị H có quan hệ với người đàn ông khác và bị vợ của người đàn ông đó bắt được và đánh ghen. Sau khi xảy ra sự việc chị H ngoại tình thì gia đình hai bên có hòa giải nhưng bản thân anh và gia đình không chấp nhận việc chị H ngoại tình nên hòa giải không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Lê Lâm P, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Ân N, sinh ngày 10/11/2021. Ly hôn anh đề nghị nuôi cả 02 con, không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm kinh doanh tự do thu nhập bình quân 20.000.000đ đến 30.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị H đề nghị anh hỗ trợ chị H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để chị H tạo lập cuộc sống sau ly hôn thì quan điểm của anh là anh chỉ hỗ trợ chị H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vì bản thân anh sau ly hôn anh cũng phải duy trì cuộc sống của bản thân và nuôi con không cần chị H cấp dưỡng nên không có khả năng để hỗ trợ chị H số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) như chị H yêu cầu.

** Bị đơn là chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn chị xác nhận như anh Lê Ken L trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng nghi ngờ nhau và cả hai anh chị đều có quan hệ với người khác ngoài vợ ngoài chồng nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L làm đơn xin ly hôn thì quan điểm của chị là chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Lâm P, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Ân N, sinh ngày 10/11/2021. Ly hôn chị mong muốn 02 con ở cùng nhau, nếu anh L đề nghị nuôi cả 02 con thì chị đồng ý. Nếu anh L không muốn nuôi con thì chị nuôi và đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng cụ thể do vợ chồng chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị chỉ ở nhà chăm con và làm nội trợ không đi làm gì.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay do chị chưa đi làm, không có thu nhập nên sau khi ly hôn chị mong muốn anh L có thể hỗ trợ chị số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) để chị có vốn để làm ăn, sinh sống và tạo dựng cuộc sống sau ly hôn. Nếu anh L đồng ý hỗ trợ chị số tiền 400.000.000đ thì chị đồng ý ly hôn. Nếu anh L không đồng ý hỗ trợ thì chị không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ken L. Cho anh Lê Ken L được ly hôn chị Phạm Thị Cẩm H.

Về con chung: Giao cả hai con chung là Lê Lâm P, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Ân N, sinh ngày 10/11/2021 cho anh Lê Ken L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh L, chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh L hỗ trợ chị H 50.000.000 đồng.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L xin ly hôn chị H, hiện chị H cư trú tại thôn BA, xã TG, huyện S, thành phố H nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Anh Lê Ken L kết hôn cùng chị Phạm Thị Cẩm H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện S, thành phố H theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2018 ngày 23/02/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì hai bên đều cùng phải yêu thương, tin tưởng, tôn trọng nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Bản thân chị H không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cho anh chị được ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh L và chị H xác nhận có 02 con chung là Lê Lâm P, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Ân N, sinh ngày 10/11/2021. Ly hôn anh chị đều có nguyện vọng để anh L nuôi cả 02 con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ. Chị H hiện nay không có việc làm, anh L không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi nào có điều kiện hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh L, chị H không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H đề nghị anh Lê Ken L hỗ trợ chi 400.000.000 đồng sau ly hôn, anh L tự nguyện hỗ trợ 50.000.000 đồng. Xét thấy việc hỗ trợ của anh L là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này của anh L.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ken L. Cho anh Lê Ken L được ly hôn chị Phạm Thị Cẩm H.

[2] Về con chung: Giao hai con chung là Lê Lâm P, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Ân N, sinh ngày 10/11/2021 cho anh Lê Ken L trực tiếp nuôi dưỡng. Tự anh L đảm nhiệm việc nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H cho đến khi nào có điều kiện hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án thay thế.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Ken L tự nguyện hỗ trợ chị H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[5] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005699 ngày 18.01.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- VKSND H. Sóc Sơn;
- THADS H. Sóc Sơn;
- Tòa án Hà Nội;
- UBND xã TG (Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 23/02/2017);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị H